



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MINH TRUONG
Last Middle First

Current Address: 11B2 Ấp Thái Xuân Phố 3 Thị xã Tây Ninh

Date of Birth: June-2-42 Place of Birth: Tây Ninh

Previous Occupation (before 1975) Major
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 2-75 To Jan 21-1981
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH TRƯỜNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01 - Hô - tại Hồng Xuân	1945	Wife
02 - Lê Minh Khang	1966	son
03 - Lê Thị Xuân Huyền	1968	daughter
04 - Lê Thị Thủy Huyền	1970	-
05 - Lê Thị Chi Huyền	1972	-
06 - Lê Thị Khánh Huyền	1974	
07 - Lê Minh Khánh	1975	Son
08 - Lê Minh Khuyến	1982	daughter
09 - Lê Thị Phương Huyền	1986	-

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Thanh Cẩm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QĐ.TC, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Số 02 GHT

00151781038712

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:
Thi hành án văn, quyết định tha số 89 ngày 10 tháng I năm 1981
của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê MINH TRUONG

Họ, tên thường gọi Lê Minh Truong

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1942

Nơi sinh Cố đẩu họ tây ninh

Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt

6/2 thời xưa thời hiệp Thanh phi xã tây ninh

Cán tội Thiếu tá trưởng ban điều hành

Bị bắt ngày 2/5/75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số 88 ngày tháng năm của

BỘ NỘI VỤ

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 11B2 thời hiệp thanh, thị xã tây ninh

Nhận xét quá trình cải tạo

tư tưởng : an tâm nơi tập chức có biểu hiện gì xấu, tin tưởng

vào chính sách giáo dục của đảng và nhà nước.

Leo cấp : đảm bảo ngày công, đạt chỉ tiêu giao khoán.

Hợp tác : tham gia đều ý thức hợp tác tốt.

Nội quy : chưa có sai phạm gì lớn.

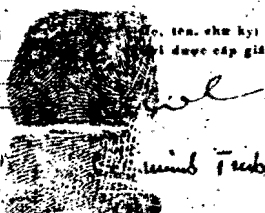
Lưu tại ngân tró phải

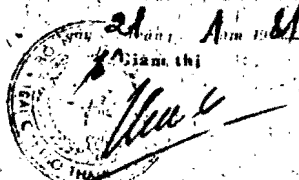
Của Trưởng

Định loại số 7719

Lập tại quân pháp

Họ, tên, chữ ký
của người được cấp giấy





Trưởng Lê Văn Chanh

38-1124/ATK

Đặc biệt

Anh Lê Văn Cường cũ

nhà ở xã cũ ở Phụng

H/C Phòng III H/L KQ

Thẩm vấn ngày 28/01/84

T.Đ. BMD

T.Đ.

Nguyễn

Đã vào trại

Xác nhận

Có đến trại từ 07/84

Ngày 28/01/84

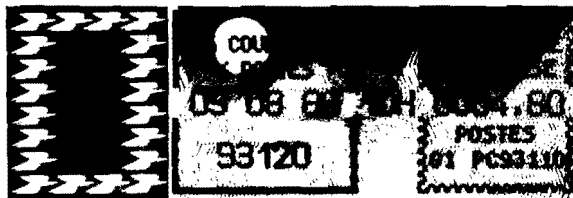
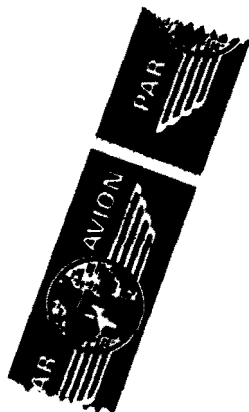
T.M. uông P3

K/CT

Nguyễn

Hồ Ngọc Linh

PAR AVION



M^{me} Le Directeur d'association
des prisonniers du guerre vietnamien
P.O. - Box 5435 Arlington
V.A. 22205 - 0635
U.S.A.

Exp.: M^{me} TRAN

Résidence du Midi

25 Camille Blane (Gr. 53)

94.100 Vitry / Seine - France

46

64

65

Tây Ninh ngày 20 tháng 7 năm 1988

Kính gửi:

- Bà Hội Trưởng Hội Gia đình Tù Nhân Chiến tranh Việt Nam.

P.O. Box 5435 Arlington VA 22205 - 0635
USA.

Trích yếu: v/v xin được can thiệp cho vượt ngoại.

I - PHÂN CĂN CƯỚC:

- Họ và tên: LÊ MINH TRÚNG
- Sinh ngày 02-6-1942 tại Long Thành tỉnh Tây Ninh.
- Địa chỉ hiện tại: Nhà số 1102 ấp Thái Xuân - Phường III thị xã Tây Ninh
- Số quân trong Quân đội Việt Nam Cộng hòa: 42/145.560
- Cấp bậc sau cùng: Thiếu tá.
- Chức vụ sau cùng: Trưởng Ban huấn hành huấn luyện.
- Đơn vị sau cùng: Tổng cục Quân huấn - Bộ Tổng tham mưu Quân lực Việt Nam Cộng hòa
- Thời gian học tập cải tạo:
từ 02-5-1975 đến 21-01-1981.
Tức 05 năm + 08 tháng + 19 ngày.
- Cải tạo tại các trại:
+ Miền Nam: - Trại Cây Cậy A (Tây Ninh)
- Trại Biên Hòa.
+ Miền Bắc: - Trại Sơn La; liên trại A; liên trại Hoàng liên Sơn; Yên Bái; Thanh Cẩm (Thanh Hóa)

II - HOẠT ĐỘNG TRONG QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA:

Thời gian	Cấp bậc - Chức vụ	Nơi công tác	Chỉ huy trực tiếp
1962-1963	- Sinh viên Sĩ Quan Khóa 14 Thủ Đức	- Trường Võ Khoa Thủ Đức	- Đại tá Lam Sơn
1963-1967	- Chức vụ: Trung đội Đại đội Phó Chi khu Phó Huấn luyện viên	- Trại Tây Ninh	- Đại úy Cờ Đại úy Trạng Thiếu tá Nha
1967-1969	- Trung úy Đại đội Phó Trưởng Tiểu đoàn Huấn luyện viên	- Trại Chuối Tây Ninh	- Thiếu tá Hồ Đức Trung
1969-1970	- Đại úy Tiểu đoàn Phó	- Tiểu đoàn Quân tử	- Đại tá Thọ
1971-1973	- Sĩ Quan huấn hành Huấn luyện	- Tổng cục Quân huấn Bộ Tổng tham mưu	- Trung tá Phan Trọng Chính
1973-1975	- Thiếu tá: Trưởng Ban huấn hành huấn luyện	- Tổng cục Quân huấn Bộ Tổng tham mưu	- Trung tá Nguyễn Bảo Trị.

III - TÌNH TRẠNG GIA ĐÌNH VÀ NHỮNG NGƯỜI XIN HẸO CÙNG

<u>Thứ tự</u>	<u>HỌ VÀ TÊN</u>	<u>NĂM SINH</u>	<u>PHÁC NAM/NỮ</u>	<u>LIÊN HỆ GIA ĐÌNH</u>	<u>NGHỀ NGHIỆP</u>	<u>Ghi chú</u>
1	Hồ Thị Hồng Xuân	1945	Nữ	Vợ	Làm ruộng	- Mất năm 1975 là giáo viên
2	Lê Minh Khang	1966	Nam	Con	Học hết cấp III	
3	Lê Thị Xuân Huyền	1968	Nữ	Con	Học hết cấp III	
4	Lê Thị Thuý Huyền	1970	Nữ	Con	Học hết cấp III	
5	Lê Thị Chi Huyền	1972	Nữ	Con	Đang học cấp III	
6	Lê Thị Khánh Huyền	1974	Nữ	Con	Đang học cấp II	
7	Lê Minh Khánh	1975	Nam	Con	Đang học cấp II	
8	Lê Minh Khuyên	1982	Nam	Con	Còn nhỏ	
9	Lê Thị Phương Huyền	1986	Nữ	Con	Còn nhỏ	

IV - NGUYỄN VĂN

Kính xin quý Hội Sớm can thiệp cho gia đình
chúng tôi được đến tỉnh cư tại một nơi theo sở nguyện

Đã viết ngày 20 tháng 7 năm 1988
Người viết


Lê Minh Phương

CONTROL

_____ Card
✓ _____ Doc. Request; Form 4/22/89
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form "D"
_____ ODP/Date _____
_____ Membership; Letter

gō form